CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp

Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 Hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp [1];

---

[1] Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo

Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng mua trả chậm, trả dần có bảo lưu quyền sở hữu của bên bán, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ và thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản kê biên được thực hiện theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm Đăng ký).

Điều 2. Các trường hợp đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng và thông báo việc kê biên

1. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm (trừ bảo lãnh và tín chấp) bao gồm các trường hợp sau đây:

---

phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 95/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp"

1.1. Thế chấp tài sản, bao gồm cả thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, cầm cố tài sản, đặt cọc, ký cược, ký quỹ;

1.2. Thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này;

1.3. Văn bản thông báo việc xử lý tài sản bảo đảm đối với giao dịch bảo đảm đã đăng ký.

2.[2] Các loại hợp đồng không phải là hợp đồng thuê mua tàu bay dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không, hợp đồng thuê mua tàu biển nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam theo quy định của pháp luật về đăng ký và mua bán tàu biển được đăng ký cụ thể là:

2.1. Hợp đồng mua trả chậm, trả dần có bảo lưu quyền sở hữu của bên bán (gọi chung là hợp đồng mua trả chậm, trả dần) quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm (sau đây gọi là Nghị định số 163/2006/NĐ-CP);

2.2. Hợp đồng thuê tài sản có thời hạn từ một năm trở lên quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, bao gồm:

a) Hợp đồng có thời hạn thuê tài sản từ một năm trở lên;

b) Hợp đồng có thời hạn thuê tài sản dưới một năm, nhưng các bên giao kết hợp đồng thỏa thuận về việc gia hạn và tổng thời hạn thuê (bao gồm cả thời hạn gia hạn) từ một năm trở lên;

2.3. Hợp đồng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính;

2.4. Hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ, bao gồm quyền đòi nợ hiện có hoặc quyền đòi nợ hình thành trong tương lai;

2.5. Các loại hợp đồng khác không thuộc thẩm quyền đăng ký của Cơ quan đăng ký tàu biển và Cục Hàng không Việt Nam theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật về hàng không.

3. Việc kê biên tài sản mà theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên phải thông báo cho Trung tâm Đăng ký khi ra quyết định kê biên đối với các tài sản quy định tại Điều 3 của Thông tư này, trừ các trường hợp sau đây:

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

3.1. Tài sản kê biên đã được giao cho cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản hoặc đã được bảo quản tại kho của Cơ quan thi hành án;

3.2. Tổng giá trị tài sản theo quyết định kê biên (không bao gồm các tài sản nêu tại điểm 3.1 khoản này) do Chấp hành viên tạm tính dưới 30 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

Điều 3. Tài sản thuộc trường hợp đăng ký giao dịch bảo đảm và thông báo việc kê biên

Các tài sản thuộc trường hợp đăng ký giao dịch bảo đảm và thông báo việc kê biên bao gồm:

1. Ô tô, xe máy, các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác; các phương tiện giao thông đường sắt;

2. Tàu cá; các phương tiện giao thông đường thủy nội địa;

3. Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, các hàng hóa khác, kim khí quý, đá quý;

4. Tiền Việt Nam, ngoại tệ;

5. Cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, chứng chỉ quỹ, séc và các loại giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch;

6.[3] Quyền tài sản phát sinh từ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; quyền đòi nợ, quyền được bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng;

6a.[4] Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng, giao dịch về bất động sản phù hợp với quy định tại Điều 181 Bộ luật dân sự năm 2005 và quy định tại Khoản 3 Điều 47 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010, cụ thể là: Quyền tài sản phát

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở, hợp đồng hợp tác kinh doanh nhà ở (bao gồm cả nhà ở xã hội) của tổ chức, cá nhân mua của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo các dự án xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán, góp vốn, hợp tác kinh doanh tài sản khác gắn liền với đất; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ở gắn với hạ tầng kỹ thuật được chủ đầu tư dự án giao kết hợp pháp theo quy định của pháp luật về nhà ở; Các khoản phải thu, quyền thụ hưởng bảo hiểm, các khoản phí mà chủ đầu tư thu được trong quá trình đầu tư, kinh doanh, phát triển dự án xây dựng nhà ở; Các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất (lợi tức của thửa đất hoặc của hạ tầng kỹ thuật trên đất); Quyền tài sản khác theo quy định của pháp luật.

6b.[5] Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng, giao dịch về tàu bay, tàu biển phù hợp với quy định tại Điều 181 Bộ luật dân sự năm 2005 và quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010, cụ thể là: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đóng tàu biển; Quyền bồi hoàn, quyền bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng mua bán tàu bay, tàu biển; quyền thụ hưởng bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với tàu bay, tàu biển; lợi tức thu được từ việc khai thác tàu bay, tàu biển; Quyền tài sản khác theo quy định của pháp luật".

7. Quyền tài sản đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp, dự án;

8. Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, chi phí san lấp, giải tỏa, giải phóng mặt bằng được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật;

9. Lợi tức, quyền được nhận số tiền bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm hoặc các lợi ích khác thu được từ tài sản bảo đảm nêu tại Điều này;

10. Các động sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Dân sự;

11. Các tài sản gắn liền với đất không thuộc thẩm quyền đăng ký của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh như: tài sản gắn liền với đất được xây dựng trên nhiều thửa đất (tài sản liên tuyến); nhà ở, công trình xây dựng làm bằng các vật liệu tạm thời (tranh, tre, nứa, lá, đất); các

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

công trình phụ trợ như nhà để xe, nhà bếp, nhà thép tiền chế, khung nhà xưởng, nhà kho; giếng nước; giếng khoan; giàn khoan; bể nước; sân; tường rào; cột điện; trạm điện; trạm bơm, hệ thống phát, tải điện; hệ thống hoặc đường ống cấp thoát nước sinh hoạt; đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác.

Điều 4. Phạm vi thẩm quyền của Trung tâm Đăng ký

1.[6] Trung tâm Đăng ký có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm; đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng mua trả chậm, trả dần có bảo lưu quyền sở hữu của bên bán, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng cho thuê tài chính và hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ; thông báo việc kê biên tài sản thi hành án và cung cấp thông tin về tài sản kê biên (sau đây gọi là đăng ký, thông báo, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên).

2.[7] ***(được bãi bỏ)***

3. Việc đăng ký, thông báo và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tại các Trung tâm Đăng ký có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Đăng ký

1. Khi thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên, Trung tâm Đăng ký có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1.1.[8] Đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng và thông báo việc kê biên theo đúng thứ tự tiếp nhận đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên trong

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[7] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[8] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo và yêu cầu cung cấp thông tin; cán bộ tiếp nhận đơn ghi số thứ tự tiếp nhận đơn tại mục "số đơn" của "phần ghi của cơ quan đăng ký" trong đơn yêu cầu đăng ký*;*

1.2.[9] Cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án có xác nhận của Trung tâm Đăng ký.

1.3.[10] Cấp bản sao của Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án có xác nhận của Trung tâm Đăng ký nếu cá nhân, tổ chức có yêu cầu;

1.4. Thông báo cho các bên cùng nhận bảo đảm về việc xử lý tài sản bảo đảm;

1.5. Thu lệ phí đăng ký; trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện thông báo việc kê biên thì không phải nộp lệ phí đăng ký;

1.6.*[11]* Từ chối đăng ký khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 10a của Thông tư này*;*

1.7. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, bảo quản các thông tin đã được đăng ký;

1.8. Sửa chữa sai sót về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên do lỗi của người thực hiện đăng ký;

1.9. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

---

[9] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[10] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[11] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2. Khi thực hiện việc cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên, Trung tâm Đăng ký có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

2.1. Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên được lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu) theo đúng thời hạn quy định tại Điều 44 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP;

2.2. Thu phí cung cấp thông tin của cá nhân, tổ chức; trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin là Chấp hành viên thì không phải nộp phí cung cấp thông tin;

2.3. Từ chối cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP.

Điều 6. Người yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, người có trách nhiệm thông báo và yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên

1. Trường hợp đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng:

1.1. Người yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm là bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm hoặc Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản của bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản hoặc người được một trong các chủ thể này ủy quyền. Trong trường hợp thay đổi bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm thì bên bảo đảm mới, bên nhận bảo đảm mới cũng có thể là người yêu cầu đăng ký thay đổi.

1.2. Người yêu cầu đăng ký hợp đồng là một trong các bên hoặc các bên tham gia hợp đồng hoặc người được một trong các bên hoặc các bên tham gia hợp đồng ủy quyền. Trong trường hợp thay đổi một trong các bên tham gia hợp đồng thì bên tham gia hợp đồng mới cũng có thể là người yêu cầu đăng ký thay đổi.

1.3. Mọi cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và hợp đồng.

2. Trường hợp thông báo việc kê biên tài sản thi hành án:

2.1. Người có trách nhiệm thông báo việc kê biên tài sản thi hành án là Chấp hành viên ra quyết định kê biên hoặc Chấp hành viên được Cơ quan thi hành án phân công thực hiện việc thông báo;

2.2. Người yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên thi hành án có thể là Chấp hành viên hoặc cá nhân, tổ chức khác.

Điều 7. Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án

1. Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án là thời điểm nội dung đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo

đảm, hợp đồng, văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án được nhập vào Cơ sở dữ liệu.

2. Trong các trường hợp sau đây thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án là thời điểm nội dung đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, văn bản yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo được nhập vào Cơ sở dữ liệu:

2.1.[12] Thay đổi do sai sót về kê khai tài sản bảo đảm hoặc tên của bên bảo đảm, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm; yêu cầu đăng ký bổ sung tài sản bảo đảm mà các bên không ký kết hợp đồng bảo đảm mới; yêu cầu thay đổi thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm tiếp theo mà tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm các bên không có thỏa thuận về việc bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai;

2.2. Sai sót về kê khai tài sản; sửa chữa sai sót do kê khai không đúng theo hướng dẫn tại Điều 8 và Điều 9 của Thông tư này; thay đổi tên, số của giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên mua trả chậm, trả dần, bên thuê tài sản, bên thuê tài chính, bên chuyển giao quyền đòi nợ hoặc yêu cầu đăng ký bổ sung tài sản;

2.3. Sửa chữa sai sót khi kê khai về tài sản kê biên, sai sót khi kê khai về tên, số của giấy tờ xác định tư cách pháp lý của người phải thi hành án do kê khai không đúng theo hướng dẫn tại Điều 8 của Thông tư này hoặc yêu cầu thông báo về việc bổ sung tài sản kê biên.

3. Trong trường hợp đăng ký thay đổi các nội dung khác đã đăng ký, yêu cầu sửa chữa sai sót do lỗi của người thực hiện đăng ký thì thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng được xác định là thời điểm đăng ký ban đầu.

4. Trong trường hợp yêu cầu thay đổi nội dung khác đã thông báo thì thời điểm có hiệu lực của thông báo nêu trên là thời điểm thông báo ban đầu.

Điều 8. Kê khai thông tin về các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng, Chấp hành viên thực hiện việc thông báo và người phải thi hành án

1. Tại mục "Người yêu cầu đăng ký" của mẫu đơn yêu cầu đăng ký, việc kê khai thực hiện theo hướng dẫn dưới đây:

1.1. Kê khai bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm hoặc Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản của bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản trong trường hợp đăng ký giao dịch bảo đảm;

---

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

1.2. Kê khai một trong các bên tham gia hợp đồng trong trường hợp đăng ký hợp đồng;

1.3. Kê khai người có trách nhiệm thông báo việc kê biên tài sản theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 trong trường hợp thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

2. Thông tin về bên bảo đảm, bên mua, bên thuê tài sản, bên thuê tài chính, bên chuyển giao quyền đòi nợ, người phải thi hành án (sau đây gọi là bên bảo đảm) được kê khai như sau:

2.1. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam thì phải kê khai đầy đủ họ và tên, số Chứng minh nhân dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân;

2.2. Đối với cá nhân là người nước ngoài thì phải kê khai đầy đủ họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu;

2.3. Đối với cá nhân là người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam thì phải kê khai đầy đủ họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú;

2.4. Đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đăng ký kinh doanh, nhà đầu tư nước ngoài thì phải kê khai tên và mã số thuế do cơ quan thuế cấp. Đối với tổ chức không có đăng ký kinh doanh thì kê khai tên đã đăng ký theo quy định của pháp luật;

2.5. Đối với tổ chức được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài thì kê khai tên được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền. Trong trường hợp tên được đăng ký của tổ chức không viết bằng chữ Latinh thì kê khai tên giao dịch bằng tiếng Anh.

3. Thông tin về bên nhận bảo đảm, bên bán, bên cho thuê tài sản, bên cho thuê tài chính, bên nhận chuyển giao quyền đòi nợ, Chấp hành viên thực hiện việc thông báo (sau đây gọi là bên nhận bảo đảm) được kê khai như sau:

3.1. Tên của bên nhận bảo đảm;

3.2. Địa chỉ của bên nhận bảo đảm.

Điều 8a. Mô tả tài sản bảo đảm[13]

1. Người yêu cầu đăng ký, chấp hành viên thực hiện việc thông báo về kê biên tài sản thi hành án mô tả tài sản theo đúng hướng dẫn kê khai trên đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

---

[13] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2. Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là phương tiện giao thông cơ giới) và tài sản này không phải là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc không phải là tài sản hình thành trong tương lai thì người yêu cầu đăng ký, chấp hành viên thực hiện việc thông báo kê biên tài sản thi hành án mô tả chính xác số khung của phương tiện giao thông cơ giới đó trên đơn yêu cầu đăng ký. Mỗi một số khung của phương tiện giao thông cơ giới được kê khai tương ứng với một ô số thứ tự trên Đơn yêu cầu đăng ký.

Trường hợp số khung của phương tiện giao thông cơ giới có ký tự đặc biệt (ví dụ: dấu *; #...) thì người yêu cầu đăng ký, chấp hành viên thực hiện việc thông báo về kê biên tài sản thi hành án mô tả đầy đủ số khung (số, chữ và ký tự đặc biệt) tại trường "Mô tả tài sản" trên đơn yêu cầu đăng ký.

3. Trường hợp mô tả tài sản của đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký chỉ kê khai tài sản cần xử lý đã được mô tả trong đơn yêu cầu đăng ký lần đầu (hoặc đăng ký thay đổi có tài sản đó) và kê khai chính xác số đơn yêu cầu đăng ký đó.

4. Trường hợp tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho, quyền tài sản thì người yêu cầu đăng ký có thể mô tả tài sản như sau:

4.1. Tên hàng hóa, chủng loại, số lượng, địa chỉ cụ thể của kho hàng hoặc các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa đó trong trường hợp tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc hàng tồn kho.

4.2. Tên cụ thể của quyền tài sản, căn cứ pháp lý phát sinh quyền, giá trị thành tiền của quyền tài sản (nếu có) hoặc các thông tin khác có liên quan đến quyền tài sản đó trong trường hợp tài sản bảo đảm là quyền tài sản.

Điều 9. Ký đơn yêu cầu đăng ký

1. Đơn yêu cầu đăng ký phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của tổ chức, cá nhân là các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng hoặc người được tổ chức, cá nhân đó ủy quyền; Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản hoặc người được ủy quyền, trong trường hợp Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản là người yêu cầu đăng ký, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đơn yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của một trong các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng hoặc người được một trong các bên này ủy quyền trong các trường hợp sau đây:

2.1. Trong trường hợp một trong các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng không chịu ký vào đơn yêu cầu đăng ký thì người yêu cầu đăng ký nộp bản

sao văn bản về giao dịch bảo đảm, hợp đồng hoặc giấy tờ chứng minh căn cứ của việc đăng ký kèm theo đơn yêu cầu đăng ký (01 bản);

2.2. Trong trường hợp yêu cầu đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm, rút bớt tài sản bảo đảm, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm thì đơn yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm hoặc người được bên nhận bảo đảm ủy quyền yêu cầu đăng ký;

2.3. Trong trường hợp yêu cầu đăng ký thay đổi về bên bán trả chậm, trả dần, bên cho thuê tài sản, bên cho thuê tài chính, bên nhận chuyển giao quyền đòi nợ hoặc người được các bên nêu trên ủy quyền thì đơn yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của chính các bên đó.

3.[14] Trong trường hợp bên nhận bảo đảm không ký vào đơn yêu cầu xóa đăng ký thì đơn yêu cầu xóa đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của bên bảo đảm và người yêu cầu đăng ký nộp kèm theo bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản đồng ý xóa đăng ký giao dịch bảo đảm hoặc văn bản thông báo giải chấp của bên nhận bảo đảm cùng với đơn yêu cầu xóa đăng ký.

Điều 10. Thời điểm tiếp nhận đơn đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên

Thời điểm Trung tâm Đăng ký tiếp nhận đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên tài sản là căn cứ để xác định thứ tự cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu được xác định như sau:

1. Trường hợp đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên tài sản được nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện thì thời điểm tiếp nhận đơn, văn bản được xác định là thời điểm nhận đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo hợp lệ.

2. Trường hợp đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên tài sản được nộp qua fax, thư điện tử thì thời điểm tiếp nhận đơn, văn bản được xác định là thời điểm đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo hợp lệ được gửi đến máy fax, máy tính tiếp nhận đơn, văn bản của Trung tâm Đăng ký.

---

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Điều 10a. Từ chối đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, từ chối gửi thông báo báo về việc thế chấp phương tiện giao thông cơ giới[15]

1. Trung tâm Đăng ký từ chối đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Tài sản bảo đảm không thuộc thẩm quyền đăng ký của Trung tâm Đăng ký;

b) Đơn yêu cầu đăng ký không hợp lệ do người yêu cầu đăng ký không kê khai đầy đủ, không đúng theo hướng kê khai đối với các nội dung bắt buộc phải kê khai trên Đơn yêu cầu đăng ký;

c) Mô tả tài sản bảo đảm không đúng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 8a của Thông tư này;

d) Không nộp lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin, phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật;

đ) Yêu cầu đăng ký thay đổi, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, sửa chữa sai sót đối với trường hợp đã xóa đăng ký hoặc chưa đăng ký đối với giao dịch đó;

e) Tài sản kê khai trên đơn yêu cầu đăng ký không rõ ràng, không kê khai bằng tiếng Việt có dấu dẫn đến việc không xác định được loại tài sản bảo đảm, trừ trường hợp tài sản bảo đảm có tên riêng bằng tiếng nước ngoài;

g) Người yêu cầu đăng ký sử dụng mã số khách hàng thường xuyên của tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm;

h) Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự đã có văn bản yêu cầu tạm dừng hoặc dừng việc đăng ký đối với tài sản bảo đảm mà bên bảo đảm là người phải thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

2. Trung tâm Đăng ký từ chối gửi thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông cơ giới trong trường hợp Văn bản yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông không kê khai đầy đủ thông tin về phương tiện giao thông cơ giới theo

---

[15] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 15/2013/TTLT-BTP-BGTVT-BTNMT-BCA ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin về tài sản bảo đảm giữa cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm với tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 15/2013/TTLT-BTP-BGTVT-BTNMT-BCA).

Điều 11. Lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin

Mức lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin và các trường hợp miễn, giảm lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên thi hành án được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Điều 12. Phương thức nộp phí, lệ phí

1. Phương thức thanh toán lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên áp dụng đối với khách hàng thường xuyên gồm:

1.1. Nộp trực tiếp tại một trong các Trung tâm Đăng ký;

1.2.[16] ***(được bãi bỏ)***

1.3.[17] Thanh toán ủy nhiệm thu, thanh toán ủy nhiệm chi qua Kho bạc Nhà nước hoặc thanh toán từ số tiền tạm ứng đã nộp vào tài khoản của Trung tâm Đăng ký.

Việc nộp lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin theo phương thức ủy nhiệm thu hoặc ủy nhiệm chi được thực hiện theo thông báo thanh toán định kỳ hàng tháng. Khách hàng phải thanh toán đầy đủ lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin hàng tháng chậm nhất vào ngày 28 của tháng kế tiếp.

---

[16] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[17] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2.[18] Khách hàng không thường xuyên thực hiện việc thanh toán lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin theo phương thức quy định tại một trong các điểm 1.1 khoản 1 Điều này.

3.[19] ***(được bãi bỏ)***

Điều 12a. Yêu cầu cấp mã số khách hàng thường xuyên*[20]*

1. Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu cấp mã số khách hàng thường xuyên thì nộp một (01) bộ hồ sơ theo phương thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.

Hồ sơ yêu cầu cấp mã số khách hàng thường xuyên gồm:

a) Đơn yêu cầu đăng ký khách hàng thường xuyên (01 bản chính);

b) Bản sao có chứng thực (01 bản) của một trong các loại giấy tờ xác định tư cách pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp là: Chứng minh nhân dân (áp dụng đối với cá nhân); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép đầu tư hoặc Quyết định thành lập (áp dụng đối với tổ chức).

Trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, thì tổ chức, cá nhân chỉ cần nộp 01 bản sao và xuất trình bản chính giấy tờ xác định tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân để đối chiếu.

---

[18] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[19] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[20] Điều này được bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2. Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm phải cấp mã số khách hàng thường xuyên và thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng phương thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Việc cấp mã số khách hàng thường xuyên được thực hiện đồng thời với việc cấp tài khoản đăng ký trực tuyến.

3. Trong trường hợp có yêu cầu cấp lại mã số khách hàng thường xuyên, tài khoản đăng ký trực tuyến thì khách hàng thường xuyên phải có văn bản đề nghị Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp lại mã số khách hàng thường xuyên, tài khoản đăng ký trực tuyến đã được cấp.

Điều 12b. Ủy quyền sử dụng mã số Khách hàng thường xuyên[21]

1. Khách hàng thường xuyên gửi Văn bản đề nghị được ủy quyền sử dụng mã số khách hàng thường xuyên (01 bản chính) qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; trong trường hợp nộp trực tiếp thì khách hàng thường xuyên chỉ cần nộp 01 bản sao và xuất trình bản chính văn bản ủy quyền để đối chiếu.

2. Khách hàng thường xuyên và bên được ủy quyền đều phải nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên theo quy định.

3. Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị của khách hàng thường xuyên, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm thông báo kết quả bằng văn bản qua đường bưu điện và thư điện tử cho khách hàng thường xuyên; thông báo qua thư điện tử đến các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản về việc ủy quyền sử dụng mã số khách hàng thường xuyên.

4. Khi có yêu cầu chấm dứt việc ủy quyền, khách hàng thường xuyên gửi Văn bản đề nghị chấm dứt việc ủy quyền (01 bản chính) qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; trong trường hợp nộp trực tiếp thì khách hàng thường xuyên chỉ cần nộp 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu.

Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị chấm dứt việc ủy quyền hoặc kể từ ngày khách hàng thường xuyên, bên được ủy quyền không nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên theo quy định thì Cục Đăng ký

---

[21] Điều này được bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản qua đường bưu điện và thư điện tử cho khách hàng thường xuyên, thông báo qua thư điện tử đến các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản về việc chấm dứt ủy quyền đăng ký theo mã số khách hàng thường xuyên.

Điều 12c. Thay đổi thông tin về khách hàng thường xuyên[22]

1. Trong trường hợp có thay đổi thông tin về tên, địa chỉ, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý thì khách hàng thường xuyên phải nộp hồ sơ yêu cầu đăng ký thay đổi thông tin về khách hàng thường xuyên theo phương thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.

2. Hồ sơ yêu cầu thay đổi thông tin về khách hàng thường xuyên gồm:

a) Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi (01 bản chính);

b) Giấy tờ xác định tư cách pháp lý nêu tại điểm b khoản 1 Điều 12a của Thông tư này để chứng minh sự thay đổi hoặc sai sót khi kê khai.

3. Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu thay đổi thông tin về khách hàng thường xuyên hợp lệ, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm chỉnh lý nội dung thay đổi thông tin về khách hàng thường xuyên.

Điều 12d. Từ chối cấp mã số khách hàng thường xuyên[23]

1. Các trường hợp từ chối cấp mã số khách hàng thường xuyên gồm:

a) Đơn yêu cầu đăng ký khách hàng thường xuyên không đúng mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Hồ sơ yêu cầu cấp mã số khách hàng thường xuyên thiếu một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 12a của Thông tư này.

---

[22] Điều này được bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[23] Điều này được bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2. Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cấp mã số khách hàng thường xuyên, nếu có một trong các căn cứ từ chối thì Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm gửi văn bản từ chối cấp mã số khách hàng thường xuyên qua đường bưu điện đến người yêu cầu đăng ký, trong đó phải nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 12đ. Tạm ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên[24]

1. Việc tạm ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị bằng văn bản của các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản do khách hàng thường xuyên không nộp lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin theo đúng quy định;

b) Khách hàng thường xuyên không nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên theo quy định;

c) Khách hàng thường xuyên vi phạm quy chế sử dụng mã số khách hàng thường xuyên;

d) Khách hàng thường xuyên cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng mã số khách hàng thường xuyên, mà không thực hiện đúng quy định tại Điều 12b của Thông tư này;

đ) Theo yêu cầu bằng văn bản của khách hàng thường xuyên.

2. Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thực hiện việc tạm ngưng sử dụng đối với mã số khách hàng thường xuyên đó.

3. Trong trường hợp khách hàng thường xuyên có Văn bản đề nghị tạm ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên trước ngày Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có Văn bản thông báo về việc nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên theo quy định của pháp luật thì không phải nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên của năm đó.

Trường hợp khách hàng thường xuyên có văn bản đề nghị tạm ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên sau ngày Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có Văn bản thông báo về việc nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường

---

[24] Điều này được bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

xuyên theo quy định của pháp luật thì phải nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên của năm đó.

Điều 12e. Kích hoạt lại mã số khách hàng thường xuyên[25]

1. Việc kích hoạt lại mã số khách hàng thường xuyên được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Khách hàng thường xuyên đã nộp đầy đủ lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin, phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật;

b) Khách hàng thường xuyên có văn bản cam kết không tiếp tục vi phạm quy chế sử dụng mã số khách hàng thường xuyên;

c) Khách hàng thường xuyên đã thực hiện việc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng mã số khách hàng thường xuyên theo đúng thủ tục quy định tại Điều 12b của Thông tư này;

d) Khách hàng thường xuyên có văn bản đề nghị kích hoạt lại mã số khách hàng thường xuyên sau khi có yêu cầu tạm ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên.

2. Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày khách hàng chứng minh được có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này thì Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thực hiện ngay việc kích hoạt lại mã số khách hàng thường xuyên.

Điều 12f. Ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên và sử dụng lại mã số khách hàng thường xuyên[26]

1. Việc ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Khách hàng thường xuyên có văn bản đề nghị ngưng việc sử dụng mã số khách hàng thường xuyên sau khi đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

---

[25] Điều này được bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[26] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

b) Khách hàng thường xuyên không nộp phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên trong 12 tháng liên tiếp kể từ thời điểm Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có Văn bản thông báo về việc nợ phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

c) Sau thời hạn 3 tháng kể từ ngày tạm ngưng sử dụng mã số khách hàng thường xuyên theo quy định tại Điều 12e của Thông tư này, mà khách hàng vẫn không có nhu cầu kích hoạt lại mã số khách hàng thường xuyên.

2. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thực hiện việc kích hoạt lại mã số khách hàng thường xuyên đã bị ngưng sử dụng sau khi khách hàng thực hiện đầy đủ thủ tục quy định tại Điều 12a của Thông tư này.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO VIỆC KÊ BIÊN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, TÀI SẢN KÊ BIÊN THI HÀNH ÁN

Mục 1
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO VIỆC KÊ BIÊN

Điều 13. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bản đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, Chấp hành viên nộp một (01) bản văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án cho Trung tâm Đăng ký.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

2.1.[27] Kiểm tra các thông tin kê khai trên đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo. Trong trường hợp đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo không thuộc một trong các trường hợp từ chối quy định tại Điều 10a của Thông tư này thì cán bộ

[27] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

tiếp nhận đơn ghi số thứ tự tiếp nhận đơn tại mục "số đơn" của "phần ghi của cơ quan đăng ký" trong đơn yêu cầu đăng ký; thời điểm nhận đơn yêu cầu đăng ký, thời điểm nhận văn bản thông báo (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo, đơn yêu cầu cung cấp thông tin và cấp Phiếu hẹn trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên trong trường hợp đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo, đơn yêu cầu cung cấp thông tin được nộp trực tiếp;

2.2. Nhập thông tin trên đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án vào Cơ sở dữ liệu;

2.3.[28] Trả Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án có xác nhận của Trung tâm Đăng ký và Đơn yêu cầu đăng ký có dấu giáp lai của Trung tâm đăng ký theo một trong các phương thức quy định tại Điều 19 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP cho người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên.

3. Đối với văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, trong trường hợp người thực hiện đăng ký phát hiện có giao dịch, hợp đồng được đăng ký theo tên của người phải thi hành án trong thời gian từ khi Chấp hành viên xác minh về tài sản dự định kê biên đến khi Trung tâm Đăng ký nhận được văn bản thông báo việc kê biên tài sản thì Trung tâm Đăng ký thông báo bằng văn bản cho Chấp hành viên về các giao dịch, hợp đồng đó cùng với việc trả kết quả văn bản thông báo việc kê biên tài sản.

4.[29] Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên phát hiện đơn yêu cầu, văn bản thông báo trùng với đơn yêu cầu đã đăng ký và văn bản thông báo đã thông báo trước đó thì người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên nộp một (01) bản đơn yêu cầu xóa đăng ký, văn bản yêu cầu xóa thông báo cho Trung tâm Đăng ký.

---

[28] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[29] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Người yêu cầu đăng ký phải nộp lệ phí đăng ký đối với những đơn đăng ký trùng lặp.

Trình tự, thủ tục xóa đăng ký, xóa thông báo được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Thông tư này.

Điều 14. Trình tự, thủ tục đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bản đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm cho Trung tâm Đăng ký.

2.[30] Sau khi nhận đơn yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này.

Trung tâm Đăng ký gửi 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án có xác nhận của Trung tâm Đăng ký về việc xử lý tài sản của bên bảo đảm cho các bên cùng nhận bảo đảm bằng tài sản của bên bảo đảm, bên bán tài sản trả chậm, trả dần cho bên bảo đảm, bên cho bên bảo đảm thuê tài sản, bên cho bên bảo đảm thuê tài chính, bên nhận chuyển giao quyền đòi nợ từ bên bảo đảm theo địa chỉ được lưu giữ trong cơ sở dữ liệu.

3. Căn cứ vào phạm vi tài sản bảo đảm đã được xử lý, các bên có liên quan thực hiện đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký (rút bớt tài sản bảo đảm) theo hướng dẫn tại Điều 15 của Thông tư này hoặc thực hiện việc xóa đăng ký giao dịch bảo đảm theo hướng dẫn tại Điều 17 của Thông tư này.

4. Trong trường hợp các bên thỏa thuận không xử lý tài sản bảo đảm sau khi đã gửi đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bản đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thông báo đã đăng ký cho Trung tâm Đăng ký. Trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 15 của Thông tư này.

Điều 15. Trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký, nội dung đã thông báo về tài sản kê biên thi hành án

1. Người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên nộp một (01) bản đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, văn bản yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo khi có một trong các căn cứ sau đây:

---

[30] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

1.1. Rút bớt, bổ sung, thay thế một trong các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng, người phải thi hành án; thay đổi tên, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý của các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng và của người phải thi hành án;

1.2. Rút bớt, bổ sung tài sản trong giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký mà không ký kết hợp đồng bảo đảm mới; rút bớt, bổ sung tài sản trong văn bản thông báo việc kê biên tài sản;

1.3.[31] ***(được bãi bỏ)***

1.4. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành, trừ trường hợp tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là phương tiện giao thông cơ giới đã ghi số khung khi đăng ký giao dịch bảo đảm;

1.5. Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên;

1.6. Thay đổi nội dung khác đã đăng ký, thông báo.

2. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bản đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, Chấp hành viên nộp một (01) bản văn bản yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo cho Trung tâm Đăng ký.

3. Sau khi nhận đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký hoặc văn bản yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này.

4.[32] Trong trường hợp thay đổi tên của bên nhận bảo đảm hoặc thay đổi bên nhận bảo đảm trong nhiều giao dịch bảo đảm đã đăng ký thì người yêu cầu đăng ký có thể nộp một (01) bộ hồ sơ yêu cầu đăng ký thay đổi tên hoặc thay đổi bên nhận bảo đảm đối với tất cả các giao dịch bảo đảm đó. Hồ sơ đăng ký thay đổi gồm có:

---

[31] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[32] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014.Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

4.1. Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký;

4.2. Văn bản ủy quyền (nếu có);

4.3. Danh mục các số đơn yêu cầu đăng ký cần đăng ký thay đổi.

Trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

5.[33] Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký đã kê khai cụ thể số lượng hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh trên Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm và số lượng hàng hóa tăng so với mô tả ban đầu thì người yêu cầu đăng ký thực hiện việc đăng ký thay đổi theo thủ tục được quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

Điều 15a. Các trường hợp đăng ký mới khi có sự thay đổi thông tin về nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký [34]

1. Các trường hợp đăng ký mới khi có sự thay đổi thông tin về nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký gồm:

a) Ký hợp đồng bảo đảm mới để bổ sung tài sản bảo đảm;

b) Thay đổi số hợp đồng và thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm.

2. Thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục sửa chữa sai sót về giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký, thông báo việc kê biên tài sản do lỗi của người thực hiện đăng ký

1. Trong trường hợp người thực hiện đăng ký phát hiện trong Cơ sở dữ liệu có sai sót về nội dung đã đăng ký, thông báo do lỗi của người thực hiện đăng ký thì người thực hiện đăng ký phải kịp thời báo cáo Giám đốc Trung tâm Đăng ký xem

---

[33] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[34] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

xét, quyết định việc chỉnh lý thông tin và gửi văn bản thông báo về việc chỉnh lý thông tin đó cho người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên đã thông báo theo địa chỉ ghi trên đơn yêu cầu đăng ký và văn bản thông báo việc kê biên.

2. Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên phát hiện có sai sót về nội dung đã đăng ký, thông báo do lỗi của người thực hiện đăng ký thì người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên nộp một (01) bản đơn yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã đăng ký hoặc văn bản yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã thông báo cho Trung tâm Đăng ký.

3. Sau khi nhận đơn, văn bản yêu cầu sửa chữa sai sót, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này.

Điều 17. Trình tự, thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, xóa thông báo việc kê biên tài sản thi hành án

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bản đơn yêu cầu xóa đăng ký cho Trung tâm Đăng ký.

2. Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giải tỏa việc kê biên tài sản hoặc hoàn tất việc xử lý tài sản kê biên, Chấp hành viên phải gửi một (01) bản văn bản yêu cầu xóa thông báo việc kê biên tài sản thi hành án cho Trung tâm Đăng ký.

3.[35] Sau khi nhận đơn yêu cầu xóa đăng ký, văn bản yêu cầu xóa thông báo, người thực hiện đăng ký thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này.

4.[36] Trường hợp xóa đăng ký mà thông tin về một trong các bên hoặc các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng được kê khai trên Đơn yêu cầu xóa đăng ký

---

[35] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[36] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

không phù hợp với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu thì người yêu cầu đăng ký thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký đồng thời với thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng.

Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 15 của Thông tư này và trình tự, thủ tục xóa đăng ký được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

5.[37] Trong trường hợp bên nhận bảo đảm yêu cầu xóa nhiều giao dịch bảo đảm đã đăng ký thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ yêu cầu xóa đăng ký đối với tất cả các giao dịch bảo đảm đó. Hồ sơ xóa đăng ký gồm có:

5.1. Đơn yêu cầu xóa đăng ký;

5.2. Văn bản ủy quyền (nếu có);

5.3. Danh mục các số đơn đã đăng ký cần xóa đăng ký.

Trình tự, thủ tục xóa đăng ký được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

"Điều 17a. Thủ tục thông báo thế chấp phương tiện giao thông cơ giới[38]

Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký có văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông cơ giới và đã nộp phí yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm thì Trung tâm Đăng ký có trách nhiệm gửi Văn bản thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông (đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi hoặc xóa đăng ký) đến Cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản theo quy định tại Điều 10 của Thông tư liên tịch số 15/2013/TTLT-BTP-BGTVT-BTNMT-BCA sau khi thực hiện xong việc đăng ký giao dịch bảo đảm.

---

[37] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[38] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Điều 18. Thủ tục tiếp nhận và giải quyết đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên qua thư điện tử

1.[39] Người yêu cầu đăng ký gửi đơn yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên gửi văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án qua thư điện tử ở dạng dữ liệu đính kèm (định dạng file ảnh). Trường hợp đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ở dạng dữ liệu ký tự (định dạng file text) thì người yêu cầu đăng ký, Chấp hành viên gửi thêm định dạng file text qua thư điện tử.

Trong trường hợp đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo thuộc một trong các trường hợp từ chối quy định tại Điều 10a thì người thực hiện đăng ký từ chối đăng ký thông qua thư điện tử đã gửi đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Khi xử lý đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo thì người thực hiện đăng ký lưu giữ thư điện tử có nội dung yêu cầu đăng ký, thông báo của khách hàng.

3. Sau khi hoàn thành việc đăng ký, Trung tâm Đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

3.1.[40] ***(được bãi bỏ)***

3.2.[41] Trả kết quả đăng ký theo quy định tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

---

[39] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[40] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[41] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Điều 18a. Lưu trữ hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án[42]

1. Các Trung tâm Đăng ký thực hiện việc lưu hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên bằng phương thức lưu trữ điện tử theo quy định tại Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ.

2. Khi yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản theo phương thức trực tiếp, thư điện tử, fax hoặc bưu điện đã được giải quyết xong thì cán bộ lưu trữ có trách nhiệm sao lưu toàn bộ hồ sơ vào ổ cứng dùng để lưu trữ theo thứ tự ngày, tháng, năm và bổ sung ký hiệu chữ E (thư điện tử), F (fax), B (bưu điện), T (trực tiếp) ở đầu dãy số đơn yêu cầu đăng ký để thuận tiện cho việc quản lý, tra cứu.

Mục 2
CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, TÀI SẢN KÊ BIÊN THI HÀNH ÁN

Điều 19. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký, thông tin về tài sản kê biên để thi hành án

1.[43] Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Trung tâm Đăng ký cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên được lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu để làm cơ sở chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của mình liên quan đến tài sản bảo đảm.

---

[42] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

[43] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2.[44] Chấp hành viên có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản dự định kê biên trước khi ra quyết định kê biên theo các tiêu chí tìm kiếm thông tin quy định tại Điều 20 của Thông tư này trước khi ra quyết định kê biên:

2.1. Tài sản đang được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự;

2.2. Tài sản mà người phải thi hành án mua trả chậm, trả dần và bên bán có bảo lưu quyền sở hữu;

2.3. Tài sản mà người phải thi hành án thuê có thời hạn từ một năm trở lên hoặc là tài sản thuê tài chính;

2.4. Các trường hợp khác, nếu pháp luật có quy định.

Điều 20. Tiêu chí tìm kiếm thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên

1. Thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên được tìm kiếm theo giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm, bên mua, bên thuê tài sản, bên thuê tài chính, bên chuyển giao quyền đòi nợ, người phải thi hành án (sau đây gọi là bên bảo đảm):

1.1. Trường hợp bên bảo đảm là công dân Việt Nam thì tiêu chí tìm kiếm thông tin là họ và tên, số Chứng minh nhân dân.

1.2. Trường hợp bên bảo đảm là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc nhà đầu tư nước ngoài thì tiêu chí tìm kiếm thông tin là mã số thuế của tổ chức hoặc nhà đầu tư nước ngoài đó.

1.3. Trường hợp bên bảo đảm là cá nhân nước ngoài thì tiêu chí tìm kiếm là họ và tên, số Hộ chiếu của cá nhân đó; người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam thì tiêu chí tìm kiếm thông tin là họ và tên, số Thẻ thường trú của người đó.

1.4. Trường hợp bên bảo đảm là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam không có đăng ký kinh doanh thì tiêu chí tìm kiếm thông tin là tên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật của tổ chức đó.

1.5. Trường hợp bên bảo đảm là tổ chức được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài thì tiêu chí tìm kiếm thông tin là tên đã được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền của tổ chức đó.

---

[44] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2. Thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên được tìm kiếm theo số khung của phương tiện giao thông cơ giới.

3. Thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên được tìm kiếm theo số đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

Điều 21. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký, thông tin về tài sản kê biên để thi hành án

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, Chấp hành viên nộp một (01) bản đơn, văn bản yêu cầu cung cấp thông tin cho Trung tâm Đăng ký.

2. Sau khi nhận đơn, văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, người thực hiện đăng ký kiểm tra các thông tin kê khai trên đơn, văn bản đó.

Nếu đơn yêu cầu đăng ký, văn bản yêu cầu cung cấp thông tin không thuộc một trong các trường hợp từ chối quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì người thực hiện đăng ký ghi thời điểm nhận đơn, văn bản (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo và yêu cầu cung cấp thông tin.

3. Trung tâm Đăng ký cấp văn bản cung cấp thông tin về các giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký cho người yêu cầu cung cấp thông tin hoặc văn bản cung cấp thông tin cho Chấp hành viên hoặc cá nhân, tổ chức có yêu cầu trong thời hạn được quy định tại Điều 44 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP.

4. Việc tiếp nhận, giải quyết đơn, văn bản yêu cầu cung cấp thông tin qua thư điện tử được thực hiện tương tự theo hướng dẫn tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[45]

[45] Khoản 20 Điều 1 và Điều 3 Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014 quy định như sau:

20. Sửa đổi khoản 2 Điều 23 như sau:

"2. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã được công nhận tư cách khách hàng thường xuyên trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và thông báo mã số khách hàng thường xuyên cho tổ chức, cá nhân để thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên theo hướng dẫn của Thông tư này"

Điều 3. Điều khoản thi hành

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2011 và thay thế các Thông tư sau đây:

1.1. Thông tư số 06/2006/TT-BTP ngày 28/9/2006 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về thẩm quyền, trình tự và thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp;

1.2. Thông tư số 03/2007/TT-BTP ngày 17/5/2007 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 06/2006/TT-BTP ngày 28/9/2006 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về thẩm quyền, trình tự và thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp;

1.3. Thông tư số 04/2007/TT-BTP ngày 17/5/2007 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự và thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng mua trả chậm, trả dần, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng cho thuê tài chính và hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ;

1.4. Thông tư số 07/2007/TT-BTP ngày 09/10/2007 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về thông báo việc kê biên tài sản thi hành án và cung cấp thông tin về tài sản kê biên tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

---

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này biểu mẫu về Văn bản đề nghị khôi phục lại kết quả đăng ký giao dịch bảo đảm.

3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Các Trung tâm đăng ký có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án trong phạm vi địa giới hành chính theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các tổ chức, cá nhân và bảo đảm hiệu quả hoạt động của hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm.

b) Trong trường hợp chưa được cấp mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến thì cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục theo quy định tại Thông tư này.

4. Trách nhiệm thi hành

a) Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm giải đáp, hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, trực tuyến theo quy định tại Thông tư này.

b) Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

2.1. Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo và yêu cầu cung cấp thông tin;

2.2. Các mẫu đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án và phụ lục;

2.3. Văn bản chứng nhận nội dung đăng ký, thông báo của Trung tâm Đăng ký;

2.4. Đơn yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên;

2.5. Văn bản cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký, thông tin về tài sản kê biên để thi hành án của Trung tâm Đăng ký;

2.6. Đơn yêu cầu đăng ký khách hàng thường xuyên;

2.7. Đơn yêu cầu thay đổi thông tin về khách hàng thường xuyên;

2.8. Đơn yêu cầu cấp mã cá nhân đối với các giao dịch bảo đảm, hợp đồng được đăng ký, thông báo việc kê biên được thông báo tại Trung tâm Đăng ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành;

2.9. Đơn yêu cầu thay đổi mã cá nhân;

2.10. Phiếu hẹn trả kết quả đăng ký.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong trường hợp các giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên đã được đăng ký, thông báo trước ngày Nghị định số 83/2010/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đến ngày 09/9/2010 (ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP) vẫn còn hiệu lực, thì tổ chức, cá nhân không phải thực hiện đăng ký, thông báo gia hạn, mà việc đăng ký, thông báo đương nhiên có hiệu lực cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp đơn yêu cầu xóa đăng ký, văn bản yêu cầu xóa thông báo theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP.

2. Việc công nhận và cấp mã số khách hàng thường xuyên được thực hiện theo quy chế cấp, quản lý và sử dụng mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã được công nhận tư cách khách hàng thường xuyên trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và thông báo mã số khách hàng thường xuyên cho tổ chức, cá nhân để thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên theo hướng dẫn của Thông tư này.

3. Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký đã đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, Chấp hành viên đã thực hiện thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo một trong các phương thức trực tiếp, bưu điện, fax hoặc thư điện tử, mà có yêu cầu thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký, thông báo việc kê biên theo phương thức trực tuyến thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

4. Đối với trường hợp các giao dịch bảo đảm, hợp đồng được đăng ký hoặc văn bản thông báo việc kê biên được thông báo tại một trong các Trung tâm Đăng ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

4.1. Nếu thông tin về bên bảo đảm, bên mua, bên thuê tài sản, bên thuê tài chính, bên chuyển giao quyền đòi nợ, người phải thi hành án là công dân Việt Nam được kê khai theo Chứng minh sỹ quan, Chứng minh quân đội đối với quân nhân, Giấy chứng nhận Cảnh sát nhân dân, Giấy chứng minh an ninh nhân dân, Giấy chứng nhận công nhân, nhân viên trong lực lượng Công an nhân dân thì khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, nếu tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký, thông báo việc kê biên thì phải kê khai thông tin theo Chứng minh nhân dân;

4.2. Nếu có yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký, thông báo việc kê biên theo phương thức trực tuyến thì được Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp mã cá nhân của giao dịch bảo đảm, hợp đồng, văn bản thông báo việc kê biên đó.

5. Trong trường hợp thông báo việc kê biên tài sản thi hành án thì khi ra quyết định kê biên tài sản, Chấp hành viên phải thông báo ngay việc kê biên tài sản cho Trung tâm Đăng ký theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

Đối với thi hành án cấp quân khu, thi hành án dân sự tại các địa phương thuộc nông thôn, vùng sâu, vùng xa mà không thể thông báo ngay việc kê biên tài sản cho Trung tâm Đăng ký thì thời hạn này được tăng thêm, nhưng không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định kê biên tài sản.

Trong trường hợp gửi văn bản thông báo việc kê biên tài sản cho Trung tâm Đăng ký theo đường bưu điện thì thời hạn năm ngày được tính theo dấu xác nhận gửi đi của Bưu điện.

6. Đối với địa phương được lựa chọn thí điểm tổ chức, hoạt động thừa phát lại thì trình tự, thủ tục thông báo việc kê biên tài sản và tìm hiểu thông tin về tài sản kê biên của Thừa phát lại cũng được thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm hướng dẫn việc đăng ký, thông báo, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TƯ PHÁP

Số: 2782/VBHN-BTP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đinh Trung Tụng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng